

Bản án số: 45/2023/HS - ST

Ngày: 06 - 6 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Hữu Như

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Hải

Bà Vũ Thị Hương

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thoan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:

Bà Ma Thị Thảo - Chức danh: Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2023, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 38/2023/TLST - HS, ngày 08 tháng 5 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2023/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn N**, sinh ngày 05/7/1979. Tên gọi khác: Không.

Nơi ĐKKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm S, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên;
Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị T; Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Vợ: Lê Thị T1, sinh năm 1980 và có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân: Tại Bản án HSST số 63 ngày 22/5/2009 của Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt 30 tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ” theo khoản 2 Điều 257 BLHS năm 1999. Chấp hành xong Bản án ngày 30/10/2010.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, hiện bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Lê Thị T1, sinh năm 1980/ có mặt.

Nơi cư trú: Xóm S, xã H, huyện Đ-Thái Nguyên

Người làm chứng:

1. Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1995/ vắng mặt.

Trú tại: Tổ 1, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

2. Chị Mạc Thị Hồng Ngọc, sinh năm 1992/ vắng mặt.

Trú tại: Xóm C, xã N, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

3. Ông Nguyễn Ngọc N1, sinh năm 1960/ vắng mặt.

Trú tại: Xóm S, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 23/6/2020, Nguyễn Văn N được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số CX668501 cho thửa đất 227, tờ bản đồ 89, diện tích 966,1 m²; mục đích sử dụng là đất trồng cây lâu năm. Sau khi được cấp GCNQSDĐ N đã làm thủ tục xin chuyển mục đích sử dụng đất từ trồng cây lâu năm sang đất ở tại nông thôn nhưng không chuyển đổi được. Do có nhu cầu vay vốn Ngân hàng để kinh doanh, tháng 6/2022 qua mạng xã hội Facebook, N thấy có bài đăng nhận làm các loại giấy tờ nên N đã liên hệ với tài khoản Facebook (N không nhớ tên tài khoản) để đặt làm một GCNQSDĐ và một trích lục thửa đất khác giống với GCNQSDĐ số CX668501, chỉ khác ở mục đích sử dụng là đất trồng cây lâu năm sang đất ở tại nông thôn. Tài khoản Facebook bảo N liên lạc qua ứng dụng Zalo với số điện thoại 0933.678.155 (N lưu tên trong danh bạ là Người Làm Giấy Tờ). N đã liên hệ để gửi các hình ảnh GCNQSDĐ và trích lục thửa đất gốc cho tài khoản Zalo trên và được đồng ý làm với giá 8.000.000đ (Tám triệu đồng). Hai bên có thỏa thuận với nhau khi nào nhận GCNQSDĐ kiểm tra đúng thông tin đã đặt làm thì thanh toán tiền cho người giao hàng. Đến khoảng đầu tháng 8/2022, N được nhân viên giao hàng giao cho 01 GCNQSDĐ và 01 trích lục thửa đất đã đặt làm, N kiểm tra thấy thông tin hoàn toàn giống với GCNQSDĐ đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Thái Nguyên cấp chỉ khác ở mục đích sử dụng đất là đất ở nông thôn và trong Trích lục thửa đất không ghi ngày, tháng mà chỉ ghi năm 2021. Sau đó, N liên hệ với chị Nguyễn Thị M (SN 1995, trú tại tổ 1 phường P, thành phố T) là nhân viên Ngân hàng VP Bank Chi nhánh Thái Nguyên để làm thủ tục vay vốn. N đã gửi hình ảnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và trích lục thửa đất đã đặt mua trên mạng cho chị M qua ứng dụng Zalo để hỏi vay số tiền 1.500.000.000đ (Một tỷ năm trăm triệu đồng). Qua kiểm tra hình ảnh N gửi cho, Chị M có nói mục ngày tháng năm trong Trích lục thửa đất chưa điền ngày tháng nên N đã điền ngày 11 tháng 12 vào trong Trích lục thửa đất và gửi lại hình ảnh cho Chị M. Đến ngày 09/8/2022, Chị M đến nhà N để thẩm định cơ sở kinh doanh của N. Tại đây, N đưa cho chị M xem GCNQSDĐ và trích lục thửa đất bản gốc đã đặt mua trên mạng, chị M có bảo N đợi để làm thủ tục giải ngân vay vốn ngân hàng. Khoảng 08 giờ ngày 15/9/2022, N mang GCNQSDĐ bản phô tô đã đặt làm trên mạng đến UBND huyện Đ xin cấp giấy trích lục thửa đất để làm thủ tục vay vốn ngân hàng. Khi đến, N làm việc với chị Mạc Hoàng Hồng N2 (Sinh năm 1992, trú tại xóm C, xã N, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên) là cán bộ Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ, chị N2 có yêu cầu N mang Giấy CNQSDĐ bản gốc để đối chiếu thông tin. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, N mang theo GCNQSDĐ bản gốc đã đặt mua trên mạng đến gặp chị N2. Sau khi kiểm tra thông tin, chị N2 thấy trong GCNQSDĐ do N cung cấp khác thông tin với GCNQSDĐ

lưu tại Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ nên đã trình báo sự việc trên với cơ quan Công an. Công an huyện Đ đã tiến hành lập biên bản sự việc và thu giữ toàn bộ giấy tờ, tài liệu có liên quan.

Ngày 16/9/2022, cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã khám xét khẩn cấp nhà ở của Nguyễn Văn N. Kết quả khám xét thu giữ: 01 Trích lục bản đồ địa chính thửa đất số 227, tờ bản đồ địa chính số 89, diện tích 728,3 m² tên người sử dụng đất Nguyễn Văn N, mục đích sử dụng đất ONT, ngày 11 tháng 12 năm 2021.

Tại bản Kết luận giám định số 1595/KL-KTHS ngày 11/10/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên, kết luận: Hình dấu tròn đỏ trên mẫu cần giám định (Ký hiệu E2, E4) làm giả bằng phương pháp in phun màu; ...chữ ký mang tên Nguyễn Thế H, Lưu Việt D, Đào Thanh T trên mẫu số sánh không phải do cùng một người ký ra.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 phong bì niêm phong ký hiệu B2 bên trong chứa 01 điện thoại di động Nn hiệu REALME, màu đen, đã qua sử dụng; 01 phong bì niêm phong ký hiệu C1 bên trong có 02 GCNQSDĐ số CX668501 (bản phô tô); 01 giấy CNQSDĐ số 68501 mang tên Nguyễn Văn N cấp ngày 23/6/2020 (bản làm giả); 01 giấy CNQSDĐ số 68501 mang tên Nguyễn Văn N cấp ngày 23/6/2020 (bản chính); 01 trích lục bản đồ địa chính số thứ tự thửa đất 227, tờ bản đồ địa chính số 89, diện tích 728,3 m² cấp ngày 21/7/2021; 01 trích lục bản đồ địa chính số thứ tự thửa đất 227, tờ bản đồ địa chính số 89, diện tích 728,3 m² cấp ngày 11/12/2021.

Bản cáo trạng số 39/CT - VKSDH ngày 29/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn N ra trước TAND huyện Đ để xét xử về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự. Kết thúc phần xét hỏi đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích nội dung vụ án, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội, nhân thân của bị cáo đã giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội: “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

- Hình phạt chính: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 341 BLHS; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS; Điều 38 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N từ 24 tháng tù đến 30 tháng tù.

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Văn N.

- Về vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS tịch T1 tiêu hủy 01 phong bì niêm phong ký hiệu C1 bên trong có 02 GCNQSDĐ số CX668501 (bản phô tô); 01 giấy CNQSDĐ số 68501 mang tên Nguyễn Văn N cấp ngày 23/6/2020 (bản làm giả); 01 trích lục bản đồ địa chính số thứ tự thửa đất 227, tờ bản đồ địa chính số 89, diện tích 728,3 m² cấp ngày 11/12/2021.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động Nhãn hiệu REALME, màu đen, đã qua sử dụng được niêm phong trong phong bì ký hiệu B2.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn N 01 giấy CNQSDĐ số 68501 mang tên Nguyễn Văn N cấp ngày 23/6/2020 (bản chính); 01 trích lục bản đồ địa chính số thứ tự thửa đất 227, tờ bản đồ địa chính số 89, diện tích 728,3 m² cấp ngày 21/7/2021.

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án, lệ phí buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì, lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt thấp nhất cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tội danh:* Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là khách quan, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu đã thu thập được trong hồ sơ vụ án như: Biên bản sự việc, biên bản khám xét, lời khai của người làm chứng, người chứng kiến, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các chứng cứ tài liệu khác của vụ án được thu thập trong quá trình điều tra.

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Khoảng tháng 6 năm 2022, thông qua mạng xã hội Zalo, Nguyễn Văn N đã đặt làm giả 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 01 trích lục thửa đất số 227 với mục đích chuyển từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở. Ngày 15/9/2022, N mang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đặt làm trên mạng đến UBND huyện Đ xin cấp giấy trích lục thửa đất mục đích để đi vay vốn ngân hàng thì bị phát hiện, lập biên bản và thu giữ.

Hành vi nêu trên của Nguyễn Văn N đã phạm tội: “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Nội dung điều luật như sau:

“1. *Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu, hoặc giấy tờ giả thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm.*

2. *Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm:*

...c) *Làm từ 02 tài liệu hoặc giấy tờ khác đến 05... tài liệu hoặc giấy tờ khác;*”.

Ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung theo khoản 4 Điều 341 BLHS viện dẫn ở trên.

[2] *Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn N là hành vi nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp tội phạm nghiêm trọng; xâm phạm trật tự quản lý hành chính của Nhà nước; bị cáo từng phải đi tù về tội “Chống người thi hành công vụ” là người có nhân thân không tốt. Vì vậy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục thành người lương thiện, đồng thời để răn đe, phòng ngừa chung đối với mọi người.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan Cảnh sát điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn nhận tội, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Do đó trong lượng hình, HĐXX đã có xem xét giảm nhẹ phần nào mức hình phạt đối với bị cáo.

[3] *Về hình phạt bổ sung*: Hội đồng xét xử thấy bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 4 Điều 341 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[4] *Về xử lý vật chứng*: Cần tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong ký hiệu C1 bên trong có 02 GCNQSDĐ số CX668501 (bản phô tô); 01 giấy CNQSDĐ số 68501 mang tên Nguyễn Văn N cấp ngày 23/6/2020 (bản làm giả); 01 trích lục bản đồ địa chính số thứ tự thửa đất 227, tờ bản đồ địa chính số 89, diện tích 728,3 m² cấp ngày 11/12/2021 (bản làm giả); Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu REALME, màu đen, đã qua sử dụng được niêm phong trong phong bì ký hiệu B2 do bị cáo sử dụng vào việc phạm tội; Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn N 01 giấy CNQSDĐ số 68501 mang tên Nguyễn Văn N cấp ngày 23/6/2020 (bản chính); 01 trích lục bản đồ địa chính số thứ tự thửa đất 227, tờ bản đồ địa chính số 89, diện tích 728,3 m² cấp ngày 21/7/2021.

[5] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát trong lời luận tội đối với bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt chính là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[6] Về nguồn gốc số tài liệu giả, do N đặt mua của một người không quen biết trên mạng xã hội Facebook và liên lạc qua mạng xã hội Zalo, do vậy cơ quan Cảnh sát điều tra không có cơ sở để mở rộng điều tra vụ án.

[7] *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước, theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[9] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành

tổ tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

[1]. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

[2]. Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 341 BLHS; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Nguyễn Văn N 24** (hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo Nguyễn Văn N bị bắt đi thi hành án.

[3]. Về xử lý vật chứng. Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong ký hiệu C1 bên trong có 02 GCNQSDĐ số CX668501 (bản phô tô); 01 giấy CNQSDĐ số 68501 mang tên Nguyễn Văn N cấp ngày 23/6/2020 (bản làm giả); 01 trích lục bản đồ địa chính số thứ tự thửa đất 227, tờ bản đồ địa chính số 89, diện tích 728,3 m² cấp ngày 11/12/2021 (bản làm giả).

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động Nn hiệu REALME, màu đen, đã qua sử dụng được niêm phong trong phong bì ký hiệu B2 do bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn N 01 giấy CNQSDĐ số 68501 mang tên Nguyễn Văn N cấp ngày 23/6/2020 (bản chính); 01 trích lục bản đồ địa chính số thứ tự thửa đất 227, tờ bản đồ địa chính số 89, diện tích 728,3 m² cấp ngày 21/7/2021.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/6/2023 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra của Công an huyện Đ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ).

[4]. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức T1, miễn, giảm, T1, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Văn N phải chịu **200.000 đồng** (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã H;
- Bị cáo; Người có QL&NVLQ;
- Lưu: HS, VP, T.H.A HS.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đỗ Hữu Nường

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã Hợp Tiến;
- Bị cáo;
- Lưu: HS, VP, T.H.A HS.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đỗ Hữu Nường

